

Số: /2025/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với ấp, khu, khóm đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2025/NĐ-CP; Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với ấp, khu, khóm đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với ấp, khu, khóm đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với ấp, khu, khóm đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ấp, khu, khóm đội trưởng;
2. Lực lượng Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ cơ động, tại chỗ, phòng không, pháo binh, biển, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với ấp, khu, khóm đội trưởng

Ấp, khu, khóm đội trưởng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.700.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Mức trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt

1. Lực lượng Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ cơ động, tại chỗ, phòng không, pháo binh, biển, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được trợ cấp ngày công lao động bằng 327.600 đồng/người/ngày; trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thì mức trợ cấp tăng thêm bằng 163.800 đồng/người/ngày.

2. Trường hợp Dân quân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thì mức trợ cấp tăng thêm bằng 163.800 đồng/người/ngày.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định huy động, điều động lực lượng Dân quân tự vệ làm nhiệm vụ thì cấp đó đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Chi cho tự vệ của các tổ chức kinh tế thì được tính vào chi phí quản lý sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, cơ quan quân sự các cấp lập dự toán ngân sách báo cáo cơ quan quân sự cấp trên trực tiếp và Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm để báo cáo các cơ quan thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với ấp (khu) đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
3. Bãi bỏ khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang (trước hợp nhất) quy định chức danh, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XX;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Trang thông tin điện tử VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Công báo;
- Lưu: VT, ntahuy.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân